

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2017

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan – Thẩm phán;

Các Hội Thẩm nhân dân:

1 . Ông Nguyễn Văn Hạnh

2 . Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thành phố Hải Phòng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở tòa án nhân dân Quận Lê Chân, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 270/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐST-DS ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Số 6/95 D, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 41/1/136 P, Quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Anh Q, sinh năm 1978; ĐKKHKT: Số 6/95 D, phường D, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Hiện đang chấp hành án tại Đội 1, K1 Trại giam Đ, xã E, huyện C, Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/5/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Chị kết hôn với anh Lương Anh Q từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, song đến năm 2016 anh chị mới làm thủ

tục đăng ký kết hôn tại UBND phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do tìm hiểu không kỹ càng đã vội vàng kết hôn nên khi về chung sống tính cách và quan điểm sống hai bên không phù hợp, trong cuộc sống có nhiều điểm bất hòa, từ cách nghĩ cũng như cách làm hoàn toàn trái ngược nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều song không có kết quả. Đến năm tháng 6/2016 anh Q bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 20 năm tù về tội Tàng trữ và Vận chuyển trái phép chất ma túy, hiện phải đang chấp hành án tại Trại giam Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Anh Q.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc phân chia tài sản chung do vợ chồng không có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa anh Lương Anh Q vắng mặt song anh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk để lấy lời khai của anh Q tại trại giam Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, anh Q trình bày: Anh xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ. Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận Lê Chân giải quyết ly hôn đối với anh, anh nhất trí ly hôn và đề nghị tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về con chung và tài sản chung : Anh Q xác nhận vợ chồng không có con chung và tài sản chung, Anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lương Anh Q cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày tại tòa.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; Nguyên đơn; Bị đơn chấp hành đúng các quy định về Tố tụng Dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56,81,82,83 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 227 BLTTDS tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn anh Lương Anh Q; về

con chung và tài sản chung: Hai bên không có con chung cũng như tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và đơn xin xác nhận tạm trú thể hiện anh Lương Anh Q ĐKKHKT: Số 6/95 D, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; Hiện đang chấp hành án tại Đội 1, K1 Trại giam Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N và bị đơn anh Lương Anh Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lương Anh Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bởi vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lương Anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xây dựng gia đình với anh Lương Anh Q từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, nhưng đến năm 2016 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường D, Quận L, thành phố Hải. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống cho đến nay cả hai bên đều xác nhận là mâu thuẫn đã trầm trọng. Nguyên nhân theo chị N trình bày do tính cách và quan điểm sống hai bên không phù hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Đến nay cả chị N và anh Q đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự căng thẳng, không còn khả năng đoàn tụ nên cùng đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Qua điều tra xác minh thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q thực sự trầm trọng, hiện anh Q đang phải chấp hành án (20 năm tù) tại Trại giam Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh Q trên thực tế đã không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của chị N và anh Q được ly hôn là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Q.

[3] Về con chung: Chị N và anh Q cùng xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh Q cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết do vợ chồng không có tài sản gì chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc chia tài sản chung giữa hai bên.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Lương Anh Q.

- Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004413 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Quận Lê Chân;
- THADS Quận Lê Chân;
- Đường sự.
- UBND phường D
- Quận L, thành phố Hải Phòng;
- (ĐKKH năm 1994)
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phong Lan

